

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29-12-2017
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé

2. Ông Nguyễn Hồng Quân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Sơn Nhựt Nhân, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2017/TLST-HNGĐ, ngày 04/10/2017, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2017/QĐXXST- HNGĐ, ngày 20/11/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Dương Thị T**, sinh năm 1984; Có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt;

Cư trú tại: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh Q**, sinh năm 1984; Có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt;

Cư trú tại: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tạm trú: Ấp N, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Dương Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2008, chị T xác lập quan hệ hôn nhân với anh Nguyễn Thanh Q và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Vợ chồng chị có 02 con chung tên Nguyễn Hữu P1, sinh ngày

13/02/2009; Nguyễn Thiên P2, sinh ngày 04/4/2016, hiện các con chung đang sống chung với chị.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Chị T, anh Q quen nhau do mai mối nên khi về sống chung một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, tính tình giữa anh chị không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, luôn bất hòa dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, mặc dù chung sống có con chung nhưng tình cảm vợ chồng không có. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 03/2017 cho đến nay. Từ lúc sống ly thân, chị và anh Q cũng không gặp mặt hay điện thoại hỏi thăm nhau, mạnh ai người đó nấy sống, anh Q cũng không có gửi tiền để phụ lo cho các con. Khi còn sống chung, anh Q bị bệnh gai cột sống nhiều năm nhưng chị vẫn lo, lúc hai vợ chồng sống ly thân thì chị không lo anh Q nữa vì chị còn phải đi làm lo cho con chung. Tuy anh Q bị bệnh nhưng anh Q vẫn đi lại sinh hoạt bình thường. Chị không còn tình cảm gì với anh Q nên không đồng ý về đoàn tụ. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, mời hòa giải ngày 11/10/2017, chị và anh Q mới gặp mặt để nói chuyện, sau khi hòa giải về thì anh Q cũng không có động thái gì để xin hàn gắn mà giờ có gặp mặt nhau thì vợ chồng chỉ có cự cãi.

Về tài sản chung: Có tài sản chung nhưng không tranh chấp.

Về nợ chung: Có nợ chung nhưng chị T không cung cấp thông tin của các chủ nợ.

Nay chị Dương Thị T yêu cầu giải quyết: Về hôn nhân: Cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Q; Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi các con chung tên Nguyễn Hữu P1, sinh ngày 13/02/2009 và Nguyễn Thiên P2, sinh ngày 04/4/2016, không yêu cầu anh Nguyễn Thanh Q phải cấp dưỡng nuôi các con chung; Về tài sản chung: Không tranh chấp yêu cầu chia; Về nợ chung: Có nợ chung nhưng chị T không cung cấp thông tin về nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Chị Dương Thị T có đơn yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thanh Q trình bày:

Anh Nguyễn Thanh Q thống nhất với chị Dương Thị T về thời gian đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung như chị T trình bày.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Anh thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có những lúc vợ chồng không hợp nhau hay cự cãi, hay giận hờn và mỗi khi giận hờn là vợ chồng không ai nói tới ai nhưng là chuyện thường của mỗi cặp vợ chồng. Anh và chị T sống ly thân từ tháng 3/2017 cho đến nay, anh cũng thống nhất từ khi sống ly thân không ai tìm đến ai và mạnh ai nấy sống, anh bị bệnh gai cột sống từ khi sống ly thân chị T cũng không hỏi thăm dù qua điện thoại, chị T cũng không muốn hàn gắn lại để chung sống với anh nhưng vì anh còn thương con nên anh không đồng ý ly hôn, anh muốn chị T cho anh thêm thời gian để anh có cơ hội sửa sai và về sống đoàn tụ cùng nhau lo cho các con. Anh Q cũng thừa nhận nếu về đoàn tụ thì cũng sống vì con. Từ lúc Tòa án mời lên hòa giải và cho hai vợ chồng có thời gian để đoàn tụ nhưng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm ai và anh cũng không có gửi tiền cho chị T lo cho các con.

Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh thì về con chung: Anh đồng ý cho chị T được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Hữu P1, sinh ngày 13/02/2009, anh không phải cấp dưỡng; Anh yêu cầu chị T giao con chung tên Nguyễn Thiên P2, sinh ngày 04/4/2016 cho anh nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Q thống nhất có nhưng anh không đồng ý ly hôn nên anh không tranh chấp yêu cầu chia.

Về nợ chung: Có nợ chung nhưng anh Q không cung cấp thông tin về nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Anh Nguyễn Thanh Q có đơn yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất: Về tài sản chung: Không tranh chấp yêu cầu chia; Về nợ chung: Có nợ chung nhưng anh Q, chị T không cung cấp thông tin của các chủ nợ và không yêu cầu xem xét, giải quyết; Về con chung: Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Hữu P1, sinh ngày 13/02/2009, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng, anh Q đồng ý.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất: Chị Dương Thị T yêu cầu được ly hôn nhưng anh Nguyễn Thanh Q không đồng ý ly hôn mà yêu cầu được đoàn tụ để nuôi con. Về con chung: Đối với con chung Nguyễn Thiên P1, sinh ngày 04/4/2016 chị T yêu cầu được nuôi không yêu cầu cấp dưỡng, anh Q không đồng ý mà yêu cầu chị T giao cho anh Q nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Dương Thị T và anh Nguyễn Thanh Q đã có mâu thuẫn trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh Q. Về con chung: Nguyễn Hữu P1, sinh ngày 13/02/2009; Nguyễn Thiên P2, sinh ngày 04/4/2016 đề nghị cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng. Do chị T không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi các con chung nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung: Không tranh chấp nên đề nghị không xem xét, giải quyết; Về nợ chung: Có nợ chung nhưng chị T, anh Q không cung cấp thông tin về nợ chung nên đề nghị không xem xét giải quyết. Về án phí buộc chị Dương Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Dương Thị T và bị đơn anh Nguyễn Thanh Q có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt đúng theo quy

định. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị T và anh Nguyễn Thanh Q kết hôn với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị T và anh Q là hợp pháp, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Tuy nhiên trong thời gian sống chung anh chị có những mâu thuẫn không thể điều hoà dẫn đến việc chị T xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T vẫn cương quyết xin ly hôn với anh Q, phía anh Q không đồng ý ly hôn mà yêu cầu được đoàn tụ để lo cho các con. Trong thời gian chung sống giữa chị T và anh Q có nhiều bất đồng, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không hạnh phúc. Anh Q thừa nhận nếu vợ chồng đoàn tụ về chung sống chỉ vì các con chung và trong khoảng thời gian sống ly thân thì không ai quan tâm đến ai nhưng anh Q vẫn muốn được đoàn tụ. Xét thấy, từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến khi xét xử thì giữa các bên không có hành động nào thể hiện là còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, mà người nào chỉ biết bỏn phận người đó, bỏ mặc ai muốn sống ra sao thì sống và đã sống ly thân gần 09 tháng nay. Mặc dù, Tòa án đã hoà giải để các bên quay về đoàn tụ nhưng chị T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, anh Q muốn được đoàn tụ nhưng anh trình bày muốn sống đoàn tụ chỉ vì các con chung và anh cũng không có động thái nào để hàn gắn đoàn tụ với chị T, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Q đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị Dương Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Q.

[3] Về con chung: Chị Dương Thị T yêu cầu được nuôi các con chung tên Nguyễn Hữu P1, sinh ngày 13/02/2009, Nguyễn Thiên P2, sinh ngày 04/4/2016. Anh Nguyễn Thanh Q đồng ý cho chị T được tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Hữu P1, sinh ngày 13/02/2009 là phù hợp với nguyện vọng được sống chung với chị T của Nguyễn Hữu P1 nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bên. Đối với con chung Nguyễn Thiên P2, sinh ngày 04/4/2016, chị T và anh Q đều có yêu cầu được nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi sống ly thân cho đến nay con chung Nguyễn Thiên P2 dưới 36 tháng tuổi do chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng vẫn đảm bảo nuôi dưỡng con tốt, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và để tránh gây xáo trộn sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của Nguyễn Thiên P2 nên con chung Thiên P2 sẽ cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án không chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Thiên P2 của anh Nguyễn Thanh Q. Chị Dương Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Thanh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Tại đơn khởi kiện ngày 03/10/2017, chị Dương Thị T khai không có tài sản chung, nợ chung; Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thanh Q thống nhất không có nhưng tại phiên tòa ngày 07/12/2017, anh Q trình bày vợ chồng có tài sản chung, nợ chung và yêu cầu chia. Chị T cũng thừa nhận vợ chồng có tài sản chung, nợ chung nhưng khi

Tòa án ban hành thông báo để anh Q phản tố yêu cầu chia tài sản chung đối với chị T và yêu cầu cung cấp thông tin về nợ chung. Hết thời hạn đã thông báo nhưng chị T, anh Q không tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung và không cung cấp thông tin nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về đề nghị của Kiểm sát viên: Xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà hôm nay về việc giải quyết vụ án là có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 và điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị T; Cho chị Dương Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Q.

2. Về con chung: Chị Dương Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung Nguyễn Thiên P1, sinh ngày 04/4/2016 và Nguyễn Hữu P2, sinh ngày 13/02/2009 là phù hợp với nguyện vọng của Nguyễn Hữu P2 được sống với chị Dương Thị T. Anh Nguyễn Thanh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Dương Thị T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Dương Thị T và anh Nguyễn Thanh Q thống nhất không tranh chấp yêu cầu chia nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Dương Thị T và anh Nguyễn Thanh Q không cung cấp thông tin về nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011652, ngày 04/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, chị Dương Thị T đã nộp đủ án phí. Anh Nguyễn Thanh Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Chị Dương Thị T, anh Nguyễn Thanh Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Tú Trinh